TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày 22/9/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tươi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quốc Phòng và ông Nguyễn M Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị M Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLST - KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXX - KDTM, ngày 17 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 03/2023/QĐST-KDTM, ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (VIB); Trụ sở tại: Tầng 1(tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S - 111A P, phường B, quận Y, thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C - Giám đốc THN trực tiếp và XLNTTQLNNHBL2 - VIB;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Vũ Tiến B, ông Đào Huy H1 và bà Vũ Thị Cẩm H - cán bộ Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà C, số 4, T, quận Đ, thành phố Hà Nội; ông B, bà H vắng mặt; ông H1 có mặt.

Bị đơn: ông Trần Hùng C, sinh năm 1982 và bà Phan Thị M, sinh năm 1989; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố S, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam; ông C, bà M đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/3/2022 ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M ký Hợp đồng vay vốn Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh H theo Hợp đồng tín dụng số 4316084.22 với

số tiền vay là 2.150.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán giống gia cầm; Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất và kỳ điều chỉnh lãi suất: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8.3%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là 10.2%/năm) và chỉ được áp dụng trong 06 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.5%/năm. Hoàn trả gốc, lãi, phí: Hoàn trả gốc vào cuối kỳ, ngày trả lãi vào 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế, trả phí theo quy định của VIB từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất diện tích 151m^2 (đất ở nông thôn nay là đất ở đô thị) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ PL 1, địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện D (nay là TDP S, phường Đ), thị xã D, tỉnh Hà Nam đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 584186 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 09/01/2019 mang tên Trần Hùng C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1149 - Quyển số: 02/2021 TP/CC - SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 4 tỉnh Hà Nam công chứng ngày 23/7/2021. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký, giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đất đai thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Thực hiện hợp đồng, ngày 28/3/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M số tiền 2.150.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 4316084(1).22 ngày 28/03/2022. Ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M đã nhận đủ số tiền 2.150.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy, Ngân hàng đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 06/02/2023. Do ông C; bà M vi phạm các quy định trong việc trả nợ với Ngân hàng, hiện khoản vay đã quá hạn. Từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông C; bà M thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả; thường xuyên vi phạm cam kết.

Nay ngân hàng khởi kiện:

Buộc ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M phải thanh toán tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4316084.22 ngày 28/3/2022 tạm tính đến ngày 30/5/2023 là 2.284.612.850 đồng (trong đó: Nợ gốc: 2.150.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 61.697.438 đồng; Nợ lãi quá hạn: 72.915.412 đồng).

Yêu cầu ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 31/5/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Nếu ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M không thực hiện trả khoản nợ trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ PL 1, địa chỉ: Thôn S, xã T (nay là TDP S, phường Đ), thị xã D, tỉnh Hà Nam để đảm bảo thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng thì buộc ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán xong khoản vay.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M xác nhận khoản vay tín dụng của ông, bà với Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh H theo hợp đồng tín dụng số 4316084.22 ngày 28/3/2022 như phía nguyên đơn trình bày tại Tòa án là đúng. Khi vay vốn ngân hàng thì vợ chồng ông có thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 151m^2 (đất ở nông thôn nay là đất ở đô thị) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ PL 1, địa chỉ: Thôn S, xã T (nay là TDP S, phường Đ), thị xã D, tỉnh Hà Nam đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 584186 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 09/01/2019 mang tên Trần Hùng C để đảm bảo cho khoản vay. Khi thế chấp trên đất có 01 nhà 02 tầng kiểu chữ L được xây dựng năm 2018. Ông, bà khẳng định tài sản thế chấp là tài sản chung của vợ chồng, khi thế chấp tài sản thì các con của vợ chồng còn nhỏ nên không có đóng góp gì trong khối tài sản chung này của vợ chồng.

Sau khi ký hợp đồng ông, bà đã nhận đủ số tiền vay 2.150.000.000đ, từ thời điểm vay (ngày 28/3/2022) đến ngày 29/6/2023 ông, bà đã trả cho ngân hàng được số tiền gốc là: 500.000đ và tiền lãi: 152.455.613đ. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng ông C, bà M có quan điểm đề nghị ngân hàng cho vợ chồng ông, bà được trả toàn bộ gốc và lãi trong hạn và xin miễn lãi quá hạn. Nếu ngân hàng không chấp nhận thì đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác M, xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Tài sản thế chấp là diện tích đất 151m^2 (đất ở nông thôn nay là đất ở đô thị) tại thửa đất số 24, tờ bản đồ PL 1, địa chỉ: Thôn S, xã T (nay là tổ dân phố S, phường Đ), thị xã D, tỉnh Hà Nam đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 584186 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 09/01/2019 mang tên Trần Hùng C để đảm bảo cho khoản vay. Tài sản hiện nay trên đất thế chấp có 01 nhà 02 tầng kiểu chữ L, tài sản thế chấp do vợ chồng ông C, bà M quản lý sử dụng, ngoài đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì không đảm bảo nghĩa vụ gì khác và không có tranh chấp nào khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày: Sau khi khởi kiện thì ngày 29/6/2023 ông C; bà M trả cho ngân hàng tiền gốc: 500.000đ. Như vậy tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2023 thì ông C, bà M trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 152.955.613đ (gồm: nợ gốc: 500.000đ; nợ lãi trong hạn: 151.329.274đ, lãi quá hạn 1.126.339). Nay Ngân hàng yêu cầu ông C, bà M trả nợ tính đến ngày 22/9/2023 phải thanh toán tổng nợ là 2.416.094.660đ, trong đó: nợ gốc số tiền 2.149.500.000đ, nợ lãi trong hạn là 61.697.438đ, nợ lãi quá hạn là 204.897.222đ. Ngoài ra ngân hàng giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng và đề nghị HĐXX áp dụng:

Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 157; 317; 318; 319; 320; 322, 325; 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự. Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 319 Luật thương mại; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định về áp dụng lãi suất. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam khởi kiện ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M về hợp đồng tín dụng số 4316084.22 ngày 28/3/2022. Buộc ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tính đến ngày 22/9/2023: nợ gốc: 2.149.500.000đ; lãi trong hạn 61.697.438đ; nợ lãi quá hạn là 204.897.222đ. Tổng cộng: 2.416.094.660đ. Trường hợp ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4316084.22 ngày 28/3/2022 thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên phát mại tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bác các yêu cầu khác của các đương sự không có căn cứ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Về thời hiệu khởi kiện: Do ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng đã ra Thông báo nợ quá hạn. Như vậy, ông C; bà M đã biết việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng xong không thực hiện trả nợ nên Ngân hàng đã nộp Đơn khởi kiện đến Tòa án, đảm bảo thời hiệu trong luật định theo quy định tại Điều 157 Bộ luật dân sự; Điều 319 Luật thương mại.

Tại phiên toà vắng mặt ông Trần Hùng C, bà Phan Thị M tuy nhiên đây là lần thứ hai ông C, bà M vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C, bà M tại phiên toà.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhận thấy:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số: 4316084.22 ngày 28/3/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh H và ông Trần Hùng C, bà Phan Thị M nay được các bên thừa nhận, nội dung của hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Sau khi ký hợp đồng ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn 2.150.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả cho ngân hàng tổng số tiền là 152.955.613 đồng gồm: nợ gốc: 500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 151.329.274 đồng, lãi quá hạn 1.126.339 đồng. Nay đã hết thời hạn cho vay mà ông C; bà M không trả nợ nên ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn phải trả nợ gốc: 2.149.500.000 đồng là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn): Thỏa thuận của các bên trong hợp đồng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về việc áp dụng mức lãi suất cho vay và đã được ngân hàng tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng, theo từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất của bên cho vay, phù hợp với quy định về áp dụng mức lãi suất của ngân hàng nhà nước tại thời điểm điều chỉnh nên có giá trị thi hành đối với các bên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên cần buộc bị đơn ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M phải trả Ngân hàng tiền lãi (tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 22/9/2023), cụ thể nợ lãi trong hạn là 61.697.438 đồng, nợ lãi quá hạn là 204.897.222 đồng.

[2.3]Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo việc thanh toán khoản nợ đã vay, ông C, bà M đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 151m^2 (đất ở nông thôn nay là đất ở đô thị) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ PL 1, địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện D (nay là TDP S, phường Đ), thị xã D, tỉnh Hà Nam đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 584186 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 09/01/2019 mang tên Trần Hùng C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1149 - Quyển số: 02/2021 TP/CC - SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 4 tỉnh Hà Nam công chứng ngày 23/7/2021. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký, giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đất đai thị xã D, tỉnh Hà Nam. Kết quả xác M, xem xét thẩm định có đủ cơ sở khẳng định: Diện tích 151m^2 (đất ở nông thôn nay là đất ở đô thị) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ PL 1, địa chỉ: Thôn S, xã T (nay là TDP S, phường Đ), thị xã D, tỉnh Hà Nam là tài sản chung của vợ chồng ông C, bà M. Vì vậy hợp đồng thế chấp tài sản do ông C; bà M đã ký với ngân hàng được xác lập trên ý chí tự nguyện của các bên; hình thức, nội dung hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật và đã được đăng ký bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền là đúng, có hiệu lực pháp luật. Khi thế chấp trên đất có 01 nhà 02 tầng kiểu chữ L, từ thời điểm thế chấp đến nay không thay đổi gì. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bị đơn đã thế chấp để đảm bảo cho việc thanh toán khoản nợ đã vay khi bị đơn không

thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Đối với các yêu cầu khác của các đương sự không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[3] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 116, 117, 118, 119, 274, 275, 292, 295, 298, 299, 300, 301, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 325, 327, 385, 398, 401, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Các Điều 95, Điều 167, Điều168, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013

- Các Điều 90, 91, 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

- Điều 319 Luật thương mại;

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định về áp dụng lãi suất.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đối với ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M về Hợp đồng tín dụng số 4316084.22 ngày 28/3/2022.

2. Buộc ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tính đến ngày 22/9/2023 là 2.416.094.660 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.149.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 61.697.438 đồng; nợ lãi quá hạn là 204.897.222 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Hùng C, bà Phan Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trường hợp ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M không trả nợ hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản ông C, bà M đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1149 - Quyển số: 02/2021 TP/CC - SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 4 tỉnh Hà Nam công chứng ngày 23/7/2021 để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ ngân hàng cho đến khi tất toán. Nếu tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải được trả lại cho chủ sở hữu. Trường hợp nếu bị đơn thanh toán được nợ thì nguyên đơn có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp tài sản và trả lại giấy tờ thế chấp cho bị đơn.

4. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Trần Hùng C và bà Phan Thị M phải nộp: 80.321.893 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) theo biên lai số 0001971 ngày 17/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Án xử công khai: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Hùng C, bà Phan Thị M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.